

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19/7/2019

V/v: *“Ly hôn”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ X Tuất.

Ông Nguyễn Phi Hồ.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Mạnh – Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 323/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 về việc: *“**Tranh chấp không công nhận vợ chồng**”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/6/2019, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 77a ngày 01/7/2019, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 89 ngày 15/7/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm: 1971.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm: 1971.

Cùng địa chỉ: 510a, đường B, ấp H, xã G, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

(anh T, chị X có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2019, biên bản làm việc ngày 05/6/2019, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 13/6/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị X tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993, tuy nhiên anh chị không đến UBND xã để đăng ký kết hôn. Từ khi về chung

sống, anh chị đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chị X thường xuyên ghen vô cớ, chửi bới anh, thực tế anh chị đã ly thân từ tháng 01/2019 cho đến nay nên anh yêu cầu không công nhận vợ chồng với chị X.

Về con chung: Có 05 con chung là Trần Thị H1, sinh năm: 1994, Trần Nguyễn Thái N, sinh năm: 1996, Trần Thị H2, sinh năm: 1999, Trần Thị Ngọc L, sinh ngày: 06/6/2001 và Trần Gia H, sinh ngày: 14/11/2009; Đối với các cháu H1, N, H2, L đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn đối với cháu Gia H có nguyện vọng được sống cùng chị X thì anh cũng đồng ý và tạm thời anh không cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 21/5/2019 và tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh chị tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1993, nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị đã nhiều lần tha thứ nhưng anh T vẫn không thay đổi. Ngoài ra, anh T còn chơi bài, đề, ăn nhậu không chăm lo cho gia đình. Từ những nguyên nhân trên nên thường xuyên về chửi bới, đánh đập chị. Tuy hiện nay anh chị vẫn chung sống với nhau, nhưng vợ chồng không còn tình cảm, không ai còn quan tâm đến ai, anh T vẫn thường xuyên bỏ nhà đi ra ngoài, hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị đồng ý với yêu cầu không công nhận vợ chồng với anh T.

Về con chung: Có 05 con chung là cháu Trần Thị H1, sinh năm: 1994, Trần Nguyễn Thái N, sinh ngày 13/5/1996, Trần Thị H2, sinh năm: 1999, Trần Thị Ngọc L, sinh ngày: 06/6/2001 và Trần Gia H, sinh ngày: 14/11/2009. Các cháu H1, N, H2, L đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với cháu Gia H chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Gia H và không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Trường hợp cháu Gia H có nguyện vọng được sống cùng anh T thì chị cũng đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Trước đây, chị có trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng không thỏa thuận được nên chị yêu cầu anh T chia tài sản chung, nợ chung xong mới được yêu cầu không công nhận vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tố tụng:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Chị X và anh T chung sống từ năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn và ly thân đầu năm 2019, nay anh T đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng với chị X, là có cơ sở chấp nhận. Về con chung: Các cháu H1, N, H2, L đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét, đối với cháu Gia H, anh T và chị X thống nhất giao chị X trực tiếp nuôi dưỡng và anh T không cấp dưỡng, nên đề nghị chấp nhận yêu cầu về con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu giải quyết, tại phiên tòa ngày 01/7/2019 và ngày 19/7/2019, chị X mới yêu cầu anh T chia tài sản chung, nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử giành quyền khởi kiện cho chị X trong vụ án khác khi có yêu cầu. Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp:

Anh Trần Văn T khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng với chị Nguyễn Thị X, sinh năm: 1971, HKTT và sinh sống: 510a, đường B, ấp H, xã G, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là: “**Ly hôn**” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Qua lời khai của các bên đương sự và biên bản xác minh của Tòa án thể hiện: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị X chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 mà không đăng ký kết hôn. Do đó, không được pháp luật công nhận là vợ chồng và hôn nhân không hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và ly thân từ đầu năm 2019. Nay anh Trần Văn T yêu cầu không công nhận vợ chồng với chị Nguyễn Thị X và chị Nguyễn Thị X đồng ý nên chấp nhận yêu cầu này của anh Trần Văn T.

Về con chung: Có 05 con chung là cháu Trần Thị H1, sinh năm: 1994, Trần Nguyễn Thái N, sinh ngày 13/5/1996, Trần Thị H2, sinh năm: 1999, Trần Thị Ngọc L, sinh ngày: 06/6/2001 và Trần Gia H, sinh ngày: 14/11/2009. Các bên đương sự đều thống nhất các cháu H1, N, H2, L đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu Gia Huy giao cho chị X nuôi dưỡng, anh T tạm thời không cấp dưỡng; đồng thời cháu Huy cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ nên chấp nhận yêu cầu về con chung của anh T.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tại phiên tòa ngày 01/7/2019 và ngày 19/7/2019, chị X yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng, tuy nhiên căn cứ khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố

tụng dân sự, chị X đưa ra yêu cầu sau khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời trong thời gian tạm ngưng phiên tòa chị X không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ và cũng không có đơn yêu cầu nên giành quyền khởi kiện chia tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân cho chị X trong vụ án khác khi có yêu cầu.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Trần Văn T phải chịu án phí theo quy định.

[5] Như nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 220, 228, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Các Điều 14, 15, 16, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Không công nhận anh Trần Văn T với chị Nguyễn Thị X là vợ chồng.

2. Về con chung:

Giao cháu Trần Gia H, sinh ngày: 14/11/2009 cho chị Nguyễn Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh **Trần Văn T** không phải **đóng góp cho chị Nguyễn Thị X tiền** cấp dưỡng nuôi **cháu Trần Gia H**.

Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung của anh Trần Văn T. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí **dân sự** sơ thẩm, nhưng trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh **Trần Văn T** đã nộp theo biên lai thu số 0006625 ngày 24/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Anh **Trần Văn T** đã nộp đủ án phí **dân sự sơ thẩm**.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Đường sự;
- Lưu (HS, VP).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương